

Số: /UBND-KGVX

Hưng Yên, ngày tháng 8 năm 2024

V/v thực hiện quản lý đầu tư  
ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ  
chuyển đổi số năm 2024

Kính gửi:

- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;

Thực hiện Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước (Sau đây gọi tắt là Nghị định số 82/2024/NĐ-CP); Công văn số 3127/BTTTT-CĐSQG ngày 31/7/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông về tăng cường công tác quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số năm 2024; căn cứ kết luận cuộc họp giao ban Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh ngày 26/8/2024; Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các cơ quan, đơn vị thực hiện một số nội dung sau:

## **I. Triển khai thực hiện một số quy định được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 82/2024/NĐ-CP**

### **1. Các nội dung đầu tư thực hiện theo Điểm h, Khoản 2, Điều 1, Nghị định 82/2024/NĐ-CP**

Đối với hoạt động đầu tư hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu để thiết lập, hình thành hệ thống (gọi tắt là hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin mang tính chất đầu tư) sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên: Thống nhất thực hiện tương tự theo quy trình của dự án, ngoại trừ quy định liên quan đến phân bổ nguồn vốn. Về hình thức: lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật (thiết kế 01 bước) hoặc lập Báo cáo nghiên cứu khả thi (thiết kế 02 bước).

### **2. Về lựa chọn phương án thiết kế (01 bước hoặc 02 bước)**

a) Đối với dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi đầu tư phát triển, việc quyết định phương án thiết kế được thực hiện tại bước phê duyệt chủ trương đầu tư.

b) Đối với hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin mang tính chất đầu tư sử dụng kinh phí chi thường xuyên quy định tại khoản 2 Điều 51 Nghị định 73/2019/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại khoản 28 Điều 1 Nghị định 82/2024/NĐ-CP (sau đây gọi là dự án):

- Thực hiện tương tự như dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử

dụng kinh phí chi đầu tư phát triển, ngoại trừ quy định liên quan đến phân bổ nguồn vốn.

- Về hình thức: Lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật (thiết kế 01 bước) hoặc lập Báo cáo nghiên cứu khả thi (thiết kế 02 bước). Việc quyết định phương án thiết kế được thực hiện trước khi tổ chức thực hiện lập dự án (lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật hoặc lập Báo cáo nghiên cứu khả thi).

c) Năm 2024, đối với các cơ quan, đơn vị được phân bổ và giao dự toán ngân sách nhà nước thực hiện các dự án nêu trên mà thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của UBND tỉnh, khẩn trương lập phương án thiết kế (01 bước hoặc 02 bước) gửi Sở Thông tin và Truyền thông **trước ngày 15/9/2024** để thẩm định, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh phê duyệt trước ngày 20/9/2024.

### **3. Về xây dựng, công bố danh mục và chức năng, tính năng kỹ thuật của phần mềm phổ biến**

Các sở, ban, ngành, địa phương triển khai đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ công nghệ thông tin đối với các phần mềm phổ biến sau khi bộ, cơ quan trung ương công bố danh mục và chức năng, tính năng kỹ thuật cơ bản của phần mềm phổ biến quốc gia, phần mềm phổ biến ngành, chuyên ngành, lĩnh vực.

### **4. Về thẩm quyền quyết định và trách nhiệm của đơn vị thẩm định**

a) Đối với Dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi đầu tư phát triển và hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin mang tính chất đầu tư sử dụng kinh phí chi thường xuyên do Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định đầu tư (trừ dự án có thiết kế cơ sở thuộc thẩm quyền thẩm định của Bộ Thông tin và Truyền thông theo quy định tại Điểm đ và e, khoản 1, Điều 61 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ):

- Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư là đơn vị đầu mối thẩm định dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi đầu tư phát triển; Sở Thông tin và Truyền thông thẩm định thiết kế kỹ thuật, phương án, giải pháp kỹ thuật, công nghệ của thiết kế cơ sở, thiết kế chi tiết dự án.

- Giao Sở Tài chính là đơn vị đầu mối thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật; Sở Thông tin và Truyền thông thẩm định thiết kế kỹ thuật, phương án, giải pháp kỹ thuật, công nghệ của thiết kế cơ sở, thiết kế chi tiết dự án.

- Trường hợp đơn vị đầu mối thẩm định hoặc đơn vị thẩm định về thiết kế kỹ thuật, phương án, giải pháp kỹ thuật, công nghệ đồng thời là chủ đầu tư (đơn vị sử dụng ngân sách để đầu tư, mua sắm) thì đơn vị thành lập hội đồng thẩm định hoặc báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh giao cơ quan khác làm nhiệm vụ thẩm định, đầu mối thẩm định.

b) Thẩm quyền quyết định và trách nhiệm của đơn vị thẩm định đối với việc đầu tư, mua sắm các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên quy định tại khoản 1 Điều 51 Nghị định 73/2019/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại Khoản 28 Điều 1 Nghị định 82/2024/NĐ-CP được thực

hiện theo quy định tại Nghị quyết 145/2018/NQ-HĐND ngày 13/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên ban hành quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hưng Yên và các quy định pháp luật liên quan; đơn vị thẩm định về phương án, giải pháp kỹ thuật, công nghệ là Sở Thông tin và Truyền thông.

c) Đối với hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin không sẵn có trên thị trường sử dụng kinh phí chi thường xuyên thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước

- Hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh: Giao Sở Tài chính là đơn vị đầu mối thẩm định kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin. Trong quá trình thẩm định, Sở Tài chính có trách nhiệm lấy ý kiến của cơ quan có chuyên môn về công nghệ thông tin (Sở Thông tin và Truyền thông).

- Hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin thuộc thẩm quyền phê duyệt của thủ trưởng các sở, ban, ngành, tổ chức đoàn thể, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện: Người có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin phân công đơn vị chuyên môn trực thuộc tiến hành thẩm định kế hoạch thuê trước khi phê duyệt. Trong quá trình thẩm định các cơ quan, đơn vị lấy ý kiến chuyên môn của Sở Thông tin và Truyền thông về Kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin trước khi phê duyệt.

## 5. Về tính chất gói thầu mua sắm phần mềm nội bộ

Nghị định số 82/2024/NĐ-CP (điểm i, khoản 2, Điều 1) bổ sung quy định về trang thiết bị công nghệ thông tin bao gồm các thiết bị phần cứng, **phần mềm**, cơ sở dữ liệu và các thiết bị số khác được sử dụng để sản xuất, truyền đưa, thu thập, xử lý, lưu trữ và trao đổi thông tin số. Đồng thời, quy định rõ tại điểm đ khoản 2 Điều 1 Nghị định số 82/2024/NĐ-CP: “...*Việc xây dựng, phát triển, nâng cấp, mở rộng phần mềm nội bộ là hoạt động mua sắm trang thiết bị công nghệ thông tin*”.

## 6. Về chuyển tiếp các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin khi Nghị định số 82/2024/NĐ-CP có hiệu lực thi hành

a) Đối với các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin được lập theo hình thức đề cương và dự toán chi tiết: Trường hợp đề cương và dự toán chi tiết đã được lập, đã trình thẩm định/đã thẩm định nhưng **cấp có thẩm quyền chưa phê duyệt đề cương và dự toán chi tiết** thì cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt cho phép điều chỉnh hình thức triển khai hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin đó theo hình thức lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật (thiết kế 01 bước). Trên cơ sở cấp có thẩm quyền cho phép điều chỉnh hình thức triển khai, cơ quan, đơn vị thực hiện các thủ tục điều chỉnh hợp đồng tư vấn lập đề cương và dự toán chi tiết với các nội dung tương ứng trong báo cáo kinh tế - kỹ thuật và bổ sung các nội dung cần thiết khác (nếu có) theo quy định của pháp luật.

b) Đối với các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin được lập theo hình thức kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin: Trường hợp hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin đã lập, trình thẩm định kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin nhưng **chưa được phê duyệt** thì hoạt động thuê dịch vụ đó phải thực hiện điều chỉnh theo những nội dung sửa đổi, bổ sung quy định tại Nghị định số 82/2024/NĐ-CP hiện hành; trong đó lưu ý bổ sung thuyết minh lựa chọn hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin hoặc đầu tư, mua sắm làm cơ sở để cấp có thẩm quyền quyết định việc đầu tư, mua sắm.

## **II. Tổ chức thực hiện**

### **1. Giao Sở Thông tin và Truyền thông**

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh Quy định chi tiết triển khai các hoạt động đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, báo cáo UBND tỉnh **trước ngày 15/11/2024**.

b) Tăng cường theo dõi, kiểm tra việc thực hiện chương trình, kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số định kỳ báo cáo UBND tỉnh.

c) Đôn đốc các chủ đầu tư thực hiện báo cáo hoàn thành dự án công nghệ thông tin theo quy định tại Khoản 24, Điều 1, Nghị định số 82/2024/NĐ-CP.

### **2. Các sở, ban, ngành, cơ quan; UBND huyện, thị xã, thành phố**

a) Tổ chức đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao năng lực của lãnh đạo, quản lý, cán bộ trực tiếp làm công tác đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin; tạo điều kiện cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tham gia các khóa bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số, tập huấn công tác quản lý đầu tư, ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng ngân sách nhà nước phục vụ chuyển đổi số.

b) Thực hiện áp dụng, sử dụng các định mức, đơn giá, mức chi theo hướng dẫn tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Công văn số 3127/BTTTT-CĐSQG ngày 31/7/2024 (gửi kèm).

Quá trình thực hiện các nội dung nêu trên, nếu có vướng mắc, các cơ quan đơn vị báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp) để điều chỉnh cho phù hợp và đúng quy định./.

#### **Nơi nhận:**

- Như trên
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- TH<sup>Trang</sup>, KGVX<sup>Tuấn</sup>;
- Lưu: VT, KGVX<sup>PH</sup>.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Duy Hưng**

**Gửi kèm Phụ lục 02**

(Công văn số 3127/BTTTT-CĐSQG ngày 31/7/2024  
của Bộ Thông tin và Truyền thông)

**HƯỚNG DẪN NỘI DUNG CHI VÀ ÁP DỤNG, SỬ DỤNG CÁC  
ĐỊNH MỨC, ĐƠN GIÁ, MỨC CHI TRONG VIỆC LẬP VÀ QUẢN LÝ  
CHI PHÍ ĐẦU TƯ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN PHỤC VỤ  
CHUYỂN ĐỔI SỐ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC****I. PHẠM VI HƯỚNG DẪN**

1. Hướng dẫn này hướng dẫn nội dung chi và việc áp dụng, sử dụng các định mức, đơn giá, mức chi (gọi chung là định mức chi) do các cơ quan có thẩm quyền đã ban hành làm căn cứ lập và quản lý chi phí trong hoạt động đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin, phục vụ chuyển đổi số sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Nguồn vốn ngân sách nhà nước trong văn bản này bao gồm: Kinh phí chi đầu tư phát triển và kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước.

3. Hoạt động đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin trong Hướng dẫn này bao gồm: Dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi đầu tư phát triển nguồn vốn ngân sách nhà nước, hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin, thuê dịch vụ công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước theo quy định tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước (Nghị định số 73/2019/NĐ-CP) và Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP (Nghị định số 82/2024/NĐ-CP).

4. Hướng dẫn này thay thế Văn bản số 6184/BTTTT-CĐSQG ngày 14/12/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn áp dụng, sử dụng các định mức, đơn giá, mức chi trong quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng ngân sách nhà nước.

**II. NGUYÊN TẮC ÁP DỤNG VĂN BẢN**

1. Đối với hoạt động đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin thuộc chương trình, đề án, kế hoạch đã có văn bản quy định, hướng dẫn riêng về lập dự toán, quản lý, sử dụng kinh phí thì thực hiện theo quy định tại văn bản hướng dẫn đó; trường hợp không có quy định riêng thì thực hiện theo Hướng dẫn này.

2. Trường hợp các định mức trong lĩnh vực quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng ngân sách nhà nước do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành không đáp ứng yêu cầu đặc thù, chuyên ngành của bộ, ngành, địa phương, thì căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư số 04/2020/TT-BTTTT ngày 24/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về lập và quản lý chi phí dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin, trên cơ sở phương pháp lập định mức theo quy định tại Thông tư số 04/2020/TT-BTTTT, các Bộ quản lý chuyên ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc

Trung ương tổ chức xác định hoặc thuê tổ chức, cá nhân để xác định, điều chỉnh, thẩm tra làm cơ sở ban hành định mức đặc thù, chuyên ngành của ngành, địa phương mình sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Thông tin và Truyền thông.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật có quy định khác nhau về cùng một nội dung chi, định mức, đơn giá, mức chi thì áp dụng theo nguyên tắc quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện.

4. Khi các văn bản quy định về chế độ, định mức chi được dẫn chiếu tại Hướng dẫn này có văn bản mới sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo văn bản mới.

### III. NỘI DUNG CHI

1. Nội dung chi đối với dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi đầu tư phát triển và hoạt động đầu tư hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu quy định tại khoản 24 Điều 3<sup>1</sup> Nghị định số 73/2019/NĐ-CP sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước bao gồm các chi phí thành phần theo quy định tại Điều 19 và Điều 28 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP.

2. Nội dung chi đối với hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước quy định tại khoản 1 Điều 51<sup>2</sup> Nghị định số 73/2019/NĐ-CP, bao gồm các chi phí:

a) Chi mua sắm dự phòng, thay thế các thiết bị phần cứng thuộc hệ thống thông tin hiện có; mua sắm thiết bị không cần lắp đặt; mua sắm phần mềm thương mại (bao gồm cập nhật bản quyền phần mềm thương mại).

b) Chi gia hạn bảo hành (bảo hành mở rộng); bảo trì, sửa chữa hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm (bảo đảm thực hiện các công việc theo quy định tại Phụ lục III Thông tư số 24/2020/TT-BTTTT ngày 09/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về công tác triển khai, giám sát công tác triển khai và nghiệm thu dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước).

c) Chi quản trị, vận hành, thuê quản trị, hỗ trợ kỹ thuật hệ thống thông tin (bảo đảm thực hiện các công việc theo quy định tại Phụ lục III Thông tư số 24/2020/TT-BTTTT ngày 09/9/2020), dịch vụ an toàn thông tin mạng (chi dịch vụ kiểm tra đánh giá an toàn thông tin, chi dịch vụ giám sát an toàn thông tin, dịch vụ ứng cứu sự cố an toàn thông tin); dịch vụ an ninh mạng.

d) Chi tạo lập cơ sở dữ liệu; chuẩn hoá, chuyển đổi phục vụ cho nhập dữ liệu, tạo lập cơ sở dữ liệu; thực hiện nhập dữ liệu cho cơ sở dữ liệu, gồm: chuẩn hóa dữ liệu; tạo lập dữ liệu ban đầu; cập nhật dữ liệu, thông tin mới (mua nội dung thông tin, tạo lập và chuyển đổi thông tin, số hoá thông tin); duy trì hệ thống cơ sở dữ liệu.

đ) Chi bảo đảm hoạt động thường xuyên cung cấp thông tin và dịch vụ

<sup>1</sup> Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 1 Nghị định số 82/2024/NĐ-CP.

<sup>2</sup> Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 28 Điều 1 Nghị định số 82/2024/NĐ-CP.

công trực tuyến trên môi trường mạng theo quy định của Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ về quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng, gồm:

- Mua nội dung thông tin, tạo lập và chuyển đổi thông tin, số hoá thông tin cho cổng/trang thông tin điện tử.

- Chi bảo đảm nhân lực cho cổng/trang thông tin điện tử gồm: Nhân lực biên tập, nhân lực quản trị kỹ thuật.

- Chi bảo trì, bảo dưỡng cổng/trang thông tin điện tử: Thuộc mục chi bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm.

- Chi nâng cấp, chỉnh sửa cổng/trang thông tin điện tử: Thuộc mục chi mua sắm, nâng cấp phần mềm.

e) Thuê dịch vụ công nghệ thông tin sẵn có trên thị trường theo quy định tại khoản 3 Điều 3<sup>3</sup> Nghị định số 73/2019/NĐ-CP như: Chi quản lý, vận hành, bảo trì, duy trì hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu; chi trang bị, cập nhật bản quyền phần mềm thương mại; dịch vụ hạ tầng kỹ thuật và an ninh, an toàn thông tin; thuê đường truyền; duy trì tên miền; thuê hosting; thuê chỗ đặt máy chủ; thuê phần cứng máy chủ; thuê máy chủ ảo; thuê máy chủ; thuê tủ rack; thuê lưu trữ; ...

g) Chi các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin để khắc phục ngay hoặc xử lý kịp thời hậu quả gây ra do sự cố thiên tai, hỏa hoạn hoặc thực thi nhiệm vụ giải quyết sự cố theo yêu cầu của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ hoặc yêu cầu nghiệp vụ quy định tại văn bản quy phạm pháp luật.

h) Các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên không thuộc hoạt động quy định tại khoản 24 Điều 3 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP.

3. Nội dung chi đối với hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin không sẵn có trên thị trường sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 4 Điều 3<sup>4</sup> Nghị định số 73/2019/NĐ-CP bao gồm các chi phí thành phần theo quy định tại Điều 55 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP.

#### **IV. ĐỊNH MỨC CHI ĐỐI VỚI DỰ ÁN ĐẦU TƯ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN SỬ DỤNG KINH PHÍ CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VÀ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ HỆ THỐNG THÔNG TIN, PHẦN CỨNG, PHẦN MỀM, CƠ SỞ DỮ LIỆU QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 24 ĐIỀU 3 NGHỊ ĐỊNH SỐ 73/2019/NĐ-CP SỬ DỤNG KINH PHÍ CHI THƯỜNG XUYỀN NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

1. Việc lập và quản lý chi phí dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin thực hiện theo quy định tại Thông tư số 04/2020/TT-BTTTT ngày 24/02/2020.

<sup>3</sup> Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị định số 82/2024/NĐ-CP.

<sup>4</sup> Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị định số 82/2024/NĐ-CP.

## 2. Chi phí xây lắp

2.1. Chi phí lắp đặt mạng, phụ kiện mạng công nghệ thông tin: Thực hiện theo Quyết định số 1601/QĐ-BTTTT ngày 03/10/2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc công bố định mức lắp đặt phần cứng và cài đặt phần mềm trong ứng dụng công nghệ thông tin để các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tham khảo, sử dụng trong công tác lắp đặt phần cứng và cài đặt phần mềm trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin và Quyết định số 1235/QĐ-BTTTT ngày 04/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1601/QĐ-BTTTT.

2.2. Chi mua sắm vật tư, vật liệu, phụ kiện mạng: Được xác định trên cơ sở báo giá của nhà sản xuất hoặc nhà cung ứng (quy định tại Phụ lục 04 ban hành kèm theo Thông tư số 04/2020/TT-BTTTT ngày 24/02/2020).

## 3. Chi phí trang thiết bị

3.1. Chi phí mua sắm trang thiết bị công nghệ thông tin: Được xác định trên cơ sở báo giá của nhà cung cấp, nhà sản xuất đảm bảo đáp ứng yêu cầu cung cấp thiết bị cho dự án hoặc giá những thiết bị tương tự về công suất, công nghệ trên thị trường tại thời điểm tính toán hoặc thiết bị tương tự của dự án đã và đang thực hiện (quy định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư số 04/2020/TT-BTTTT ngày 24/02/2020).

3.2. Chi phí xây dựng, phát triển, nâng cấp, mở rộng phần mềm nội bộ: Được xác định theo phương pháp so sánh hoặc phương pháp chuyên gia hoặc phương pháp tính chi phí hoặc theo báo giá hoặc kết hợp các phương pháp.

a) Phương pháp so sánh, phương pháp chuyên gia, theo báo giá, kết hợp các phương pháp thực hiện theo Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư số 04/2020/TT-BTTTT ngày 24/02/2020.

b) Phương pháp tính chi phí thực hiện theo Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư số 04/2020/TT-BTTTT ngày 24/02/2020 và Quyết định số 671/QĐ-BTTTT ngày 26/04/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành hướng dẫn xác định chi phí phần mềm nội bộ.

c) Đối với phần mềm được sửa đổi, bổ sung hoặc xây dựng, phát triển, nâng cấp, mở rộng dựa trên phần mềm thương mại, phần mềm nguồn mở, nền tảng số, bộ khung mã lệnh (framework), ... hoặc được xây dựng, phát triển dựa trên công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (blockchain), thực tế ảo/thực tế tăng cường (VR/AR), ..., chi phí sửa đổi, bổ sung hoặc xây dựng, phát triển, nâng cấp, mở rộng phần mềm được xác định theo phương pháp so sánh hoặc phương pháp chuyên gia hoặc phương pháp tính chi phí hoặc theo báo giá hoặc kết hợp các phương pháp. Chi phí phần mềm thương mại, nền tảng số, framework, ... được xác định theo phương pháp xác định chi phí trang thiết bị công nghệ thông tin;

3.3. Chi phí tạo lập cơ sở dữ liệu; chuẩn hóa, chuyển đổi phục vụ cho nhập dữ liệu; thực hiện nhập dữ liệu cho cơ sở dữ liệu: Thực hiện theo Quyết định số 1595/QĐ-BTTTT ngày 03/10/2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền

thông về việc công bố định mức tạo lập cơ sở dữ liệu trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin.

3.4. Chi phí lắp đặt trang thiết bị; cài đặt phần mềm; kiểm tra, hiệu chỉnh thiết bị và phần mềm: Thực hiện theo Quyết định số 1601/QĐ-BTTTT ngày 03/10/2011 và Quyết định số 1235/QĐ-BTTTT ngày 04/9/2014.

3.5. Chi phí đào tạo hướng dẫn sử dụng; chi phí đào tạo cho cán bộ quản trị, vận hành hệ thống (nếu có): Thực hiện theo Quyết định số 2331/QĐ-BTTTT ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc công bố định mức kinh tế - kỹ thuật trong hoạt động chuyển giao ứng dụng công nghệ thông tin.

Đối với hạng mục đào tạo chưa ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Thông tư số 06/2023/TT-BTC ngày 31/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2018/TT-BTC.

3.6. Chi phí triển khai, hỗ trợ, quản trị, vận hành sản phẩm hoặc hạng mục công việc của dự án trước khi nghiệm thu bàn giao (nếu có): Được xác định bằng cách lập dự toán theo quy định tại Phụ lục 05 ban hành kèm theo Thông tư số 04/2020/TT-BTTTT ngày 24/02/2020.

#### 4. Chi phí quản lý dự án và giám sát, đánh giá đầu tư

4.1. Định mức chi phí quản lý dự án: Thực hiện theo Quyết định số 1688/QĐ-BTTTT ngày 11/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc công bố định mức chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

4.2. Việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí quản lý dự án: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 108/2021/TT-BTC ngày 08/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động tư vấn, quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn đầu tư công.

4.3. Chi phí giám sát, đánh giá đầu tư: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư.

#### 5. Chi phí tư vấn đầu tư

5.1. Chi phí tư vấn đầu tư: Thực hiện theo Quyết định số 1688/QĐ-BTTTT ngày 11/10/2019.

5.2. Đối với các công việc thuê tư vấn chưa có định mức công bố tại Quyết định số 1688/QĐ-BTTTT ngày 11/10/2019 như: Chi phí khảo sát; lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; điều tra, nghiên cứu phục vụ lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo kinh tế-kỹ thuật, tuyển chọn giải pháp; thẩm tra báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, lập

thiết kế chi tiết, điều chỉnh, bổ sung thiết kế chi tiết; điều chỉnh dự toán; lập định mức, đơn giá; kiểm tra chất lượng vật liệu, thiết bị; đánh giá chất lượng sản phẩm; quy đổi vốn đầu tư và các công việc tư vấn khác thì lập dự toán theo quy định tại Phụ lục 05 ban hành kèm theo Thông tư số 04/2020/TT-BTTTT ngày 24/02/2020 để xác định chi phí hoặc vận dụng mức chi phí của các dự án tương tự đã thực hiện.

## 6. Chi phí khác

6.1. Phí thẩm định dự án: Thực hiện theo Thông tư số 28/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng.

6.2. Chi phí kiểm toán độc lập; thẩm tra, phê duyệt quyết toán: Vận dụng theo quy định tại Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

6.3. Chi phí kiểm thử chất lượng phần mềm: Thực hiện theo Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư số 04/2020/TT-BTTTT ngày 24/02/2020 và Công văn số 3787/BTTTT-THH ngày 26/12/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn phương pháp xác định chi phí kiểm thử chất lượng phần mềm.

6.4. Chi phí lắp đặt và thuê đường truyền; lệ phí đăng ký và duy trì tên miền; chi phí thẩm định giá: Được xác định trên cơ sở báo giá của nhà sản xuất hoặc nhà cung ứng.

7. Chi phí dự phòng: Thực hiện Thông tư số 04/2020/TT-BTTTT ngày 24/02/2020.

8. Chi nhân công: Thực hiện theo Quyết định số 129/QĐ-BTTTT ngày 03/2/2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về hướng dẫn xác định đơn giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

9. Chi phí lập, thẩm định kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; chi phí đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu (trường hợp chủ đầu tư, bên mời thầu trực tiếp thực hiện): Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

10. Chi phí triển khai áp dụng phần mềm nguồn mở: Thực hiện theo Quyết định số 1872/QĐ-BTTTT ngày 14/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc công bố định mức kinh tế - kỹ thuật triển khai áp dụng phần mềm nguồn mở.

**V. ĐỊNH MỨC CHI ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN SỬ DỤNG KINH PHÍ CHI THƯỜNG XUYÊN NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 1 ĐIỀU 51 NGHỊ ĐỊNH SỐ 73/2019/NĐ-CP**

1. Chi mua sắm dự phòng, thay thế các thiết bị phần cứng thuộc hệ thống thông tin hiện có; mua sắm thiết bị không cần lắp đặt; mua sắm phần mềm thương mại (bao gồm cập nhật bản quyền phần mềm thương mại): Thực hiện theo hướng dẫn tại điểm 3.1 Mục IV Phụ lục này.

2. Chi gia hạn bảo hành (bảo hành mở rộng): Được xác định trên cơ sở báo giá của nhà cung cấp, nhà sản xuất hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu.

Chi quản trị, vận hành, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu; thuê quản trị, hỗ trợ kỹ thuật hệ thống thông tin, dịch vụ an ninh mạng, an toàn thông tin: Được xác định trên cơ sở báo giá của nhà cung cấp dịch vụ hoặc lập dự toán theo quy định tại Phụ lục 05 ban hành kèm theo Thông tư số 04/2020/TT-BTTTT ngày 24/02/2020.

Chi phí thực hiện công tác ứng cứu sự cố, bảo đảm an toàn thông tin mạng: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 121/2018/TT-BTC ngày 12/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí để thực hiện công tác ứng cứu sự cố, bảo đảm an toàn thông tin mạng.

3. Chi tạo lập cơ sở dữ liệu; chuẩn hóa, chuyển đổi phục vụ cho nhập dữ liệu, tạo lập cơ sở dữ liệu; thực hiện nhập dữ liệu cho cơ sở dữ liệu:

a) Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ và năng lực đội ngũ cán bộ của bộ phận chuyên trách (hoặc kiêm nhiệm) công nghệ thông tin, các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ này như là nhiệm vụ chuyên môn thường xuyên. Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức khi làm thêm giờ để thực hiện các nhiệm vụ này được thanh toán tiền lương làm thêm giờ theo quy định tại Thông tư liên tịch số 08/2005/TTLT-BNV-BTC ngày 05/01/2005 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ đối với cán bộ, công chức, viên chức.

b) Trường hợp vượt quá khả năng thực hiện, thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định việc thuê tổ chức, cá nhân bên ngoài để thực hiện. Việc thanh toán thực hiện theo hợp đồng và hoá đơn chứng từ, bảo đảm tuân thủ quy định về mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ.

c) Việc thuê tổ chức, cá nhân bên ngoài thực hiện theo quy định tại Thông tư số 194/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn mức chi tạo lập thông tin điện tử nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước; Thông tư của Bộ quản lý chuyên ngành như: Thông tư 04/2014/TT-BNV ngày 23/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mức kinh tế - kỹ thuật tạo lập cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ; các định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu ngành tài nguyên và môi trường.

Đối với chi chuẩn hóa dữ liệu: Tham khảo theo Quyết định số 1595/QĐ-BTTTT ngày 03/10/2011.

4. Chế độ nhuận bút chi trả cho tin, bài (nội dung thông tin)

a) Tin, bài được đăng tải trên cổng/trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước (không phải là báo điện tử): Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14/03/2014 của Chính phủ quy định về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản.

b) Tin, bài được đăng trên báo in, báo điện tử: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 18/2021/TT-BTTTT ngày 30/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động báo in, báo điện tử.

## **VI. ĐỊNH MỨC CHI ĐỐI VỚI LẬP DỰ TOÁN THUÊ DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN SỬ DỤNG KINH PHÍ CHI THƯỜNG XUYÊN NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

1. Chi cho các nhiệm vụ thuê dịch vụ công nghệ thông tin sẵn có trên thị trường: Giá thuê dịch vụ (tính theo đơn giá của từng dịch vụ sử dụng hoặc đơn giá sản phẩm đầu ra của dịch vụ) được xác định trên cơ sở báo giá của nhà cung cấp, nhà sản xuất dịch vụ tại thời điểm thuê dịch vụ.

2. Chi cho các nhiệm vụ thuê dịch vụ công nghệ thông tin không sẵn có trên thị trường

2.1. Việc lập dự toán thuê dịch vụ công nghệ thông tin được thực hiện theo quy định tại Điều 55 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP

a) Chi phí thuê dịch vụ:

- Chi phí thuê dịch vụ được xác định bằng một trong các phương pháp sau: Phương pháp so sánh; phương pháp chuyên gia; phương pháp lấy báo giá; phương pháp tính chi phí; kết hợp các phương pháp.

- Phương pháp tính chi phí thực hiện theo hướng dẫn tại điểm 2.2 Mục này.

b) Chi phí quản lý: Thực hiện theo Quyết định số 1688/QĐ-BTTTT ngày 11/10/2019.

c) Chi phí tư vấn:

- Chi phí tư vấn lập kế hoạch thuê; tư vấn thẩm tra kế hoạch thuê; tư vấn giám sát thực hiện (nếu có): Thực hiện theo Quyết định số 1688/QĐ-BTTTT ngày 11/10/2019.

- Chi phí đối với các công việc tư vấn khác: Lập dự toán theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 1688/QĐ-BTTTT ngày 11/10/2019.

d) Chi phí khác:

- Chi phí kiểm thử chất lượng phần mềm; thẩm định giá: Thực hiện theo hướng dẫn tại điểm 6.3, 6.4 Mục IV Phụ lục này.

2.2. Chi phí thuê dịch vụ trong trường hợp được xác định theo phương pháp tính chi phí: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 12/2020/TT-BTTTT ngày 29/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn xác định chi phí thuê dịch vụ công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước theo phương pháp tính chi phí. Một số chi phí được hướng dẫn cụ thể

như sau:

a) Chi phí dịch vụ:

- Chi phí xây dựng, phát triển hình thành dịch vụ: Thực hiện theo hướng dẫn tại điểm 2, điểm 3.1, 3.2, 3.4 Mục IV Phụ lục này.

- Giá trị còn lại của tài sản cấu thành dịch vụ của bên cho thuê tại thời điểm kết thúc thời gian thuê dịch vụ theo yêu cầu riêng sau khi trích khấu hao theo quy định (S): Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC.

b) Chi phí bảo trì dịch vụ: Thực hiện theo hướng dẫn tại điểm 2 Mục V Phụ lục này.

c) Chi phí quản trị, vận hành dịch vụ: Thực hiện theo hướng dẫn tại điểm 3 Mục V Phụ lục này.

d) Chi phí khác liên quan đến cung cấp dịch vụ:

- Chi phí tạo lập cơ sở dữ liệu; chuẩn hóa, chuyển đổi phục vụ cho nhập dữ liệu; thực hiện nhập dữ liệu cho cơ sở dữ liệu: Thực hiện theo hướng dẫn tại điểm 3.3 Mục IV Phụ lục này.

- Chi phí đào tạo hướng dẫn sử dụng; chi phí đào tạo cho cán bộ quản trị, vận hành hệ thống: Thực hiện theo hướng dẫn tại điểm 3.5 Mục IV Phụ lục này.

- Chi phí lắp đặt và thuê đường truyền; chi phí đăng ký và duy trì tên miền; chi phí thuê hosting; chi phí thuê chỗ đặt máy chủ; chi phí thuê lưu trữ; chi phí tin nhắn thông báo; chi phí tổng đài hỗ trợ: Thực hiện theo hướng dẫn tại điểm 6.4 Mục IV Phụ lục này.

2.3. Chi phí nhân công; chi phí lập, thẩm định hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, chi phí đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất, chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu (trường hợp chủ đầu tư, bên mời thầu trực tiếp thực hiện); chi phí triển khai áp dụng phần mềm nguồn mở: Thực hiện theo hướng dẫn tại điểm 8, 9, 10 Mục IV Phụ lục này.